

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ K  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/LĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v: Tranh chấp về bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đặng Đức Huân;

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Chí Dũng;

2. Ông Nguyễn Văn Xô.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 01/2022/TLST-LĐ ngày 18/01/2022 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-LĐ ngày 18/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-LĐ ngày 09/8/2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Trọng M1 - sinh năm 1972. Nơi làm việc: Công ty cổ phần thiết bị 999. Địa chỉ: Thôn PD, xã PD, huyện G, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị đơn:*** Công ty HN. Trụ sở chính: Phường P1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ văn phòng đại diện: Số 61, ngõ 342, phường HĐ, quận TX, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng M1 trình bày:***

Ngày 16/5/2002, ông và Công ty HN có ký kết hợp đồng lao động. Mặc dù trong hợp đồng ghi hiệu lực từ ngày 16/5/2002 đến 16/5/2003 nhưng trên thực tế hai bên không ký hợp đồng nào khác. Ông và Công ty căn cứ vào hợp đồng lao động này làm việc đến năm 2017, theo thỏa thuận trong hợp đồng ông được hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội theo chế độ hiện hành của nhà nước.

Quá trình làm việc, từ tháng 02/2017 cho đến tháng 8/2017 công ty không bố trí được việc làm thường xuyên, không trả lương và các chế độ khác cho ông. Do vậy, từ tháng 9 đến tháng 10/2017 ông phải nghỉ không lương. Ngày 24/7/2017 ông viết đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động với công ty và đề nghị Công ty trả sổ BHXH để ông đi tìm việc mới. Đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động của ông được giám đốc công ty tiếp nhận ngày 25/12/2017 và ghi bút phê “Kính chuyển TCHC: Hoàn tất thủ tục trình Tổng công ty đúng quy định”. Tuy nhiên, cho đến nay ông vẫn chưa nhận được quyết định cho chấm dứt hợp đồng lao động và giải quyết các chế độ, quyền lợi của ông theo quy định của pháp luật.

Sau khi làm việc với Bảo hiểm xã hội quận Thanh Xuân ông mới được biết Công ty mới đóng BHXH cho ông từ tháng 7/2003 đến tháng 8/2011. Từ tháng 9/2011 đến tháng 12/2017 công ty chưa đóng bảo hiểm cho ông. Tài liệu, chứng cứ chứng minh là sổ BHXH của ông mà ông đã giao nộp cho Tòa án. Số sổ BHXH của ông là 8604009045 do Bảo hiểm xã hội quận Thanh Xuân cấp. Sổ BHXH của ông đã được Công ty HN trả vào khoảng thời gian cuối năm 2019, đầu năm 2020.

Sau khi biết quyền lợi của mình bị xâm phạm ông có khiếu nại đến lãnh đạo Công ty HN, BHXH thành phố Hà Nội và Thanh tra Sở lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội. Do Công ty HN không giải quyết nên ông đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, sau đó Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thị xã K để giải quyết theo thẩm quyền. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty HN phải có nghĩa vụ nộp đủ BHXH và BHTN cho ông từ tháng 9/2011 đến tháng 12/2017 là 107.991.520đ.

*Bị đơn-Công ty HN vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

- Quá trình xác minh Trụ sở Công ty HN được UBND phường P1, thị xã K cung cấp: Công ty HN bắt đầu về làm việc tại phường Phú Thù vào khoảng năm 2004, có nơi làm việc tại Khu 2, phường P1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Công ty HN khai thác đá bằng phương pháp khoan nổ mìn để sản xuất vật liệu xây dựng tại núi Voi thuộc Khu 1, phường Phú Thù. Đến khoảng năm 2015 công ty dừng hoạt động do khai thác quá so với quy định của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương. Trụ sở công ty là dãy nhà cấp 4 hiện nay đã xuống cấp không có người trông coi, quản lý 8 năm nay.

- Tại Công văn số 912/CV-BHXH ngày 23/8/2022, BHXH quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội cung cấp thông tin: 1. Tính đến tháng 8/2011, Công ty HN còn nợ tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là 8.889.573.620đ; 2. Ông Nguyễn Trọng M1, sinh ngày 20/10/1972, số sổ BHXH: 8604009045 tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Công ty HN từ tháng 01/2006 đến tháng 09/2017, tháng 10/2017 lao động nghỉ việc theo Quyết định

chấm dứt hợp đồng lao động số 15/TCHC ngày 25/9/2017. Ngày 08/5/2019, Công ty HN đã đề nghị chốt sổ BHXH cho Ông M1, tuy nhiên, do đơn vụ nợ tiền nên BHXH quận Thanh Xuân chỉ thực hiện chốt sổ và in tờ rời cho lao động đến hết tháng 08/2011 (thời điểm đơn vị đóng đủ tiền). Từ tháng 9/2011, Công ty HN còn nợ tiền đóng BHXH cho người lao động. Trong đó, số tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN phải đóng cho ông Nguyễn Trọng M1 từ tháng 09/2011 đến tháng 09/2017 tính đến tháng 8/2022 là: 139.301.180đ. Trong đó: Số tiền chậm đóng phải nộp là 72.045.303đ; số tiền lãi chậm đóng từ tháng 09/2011 đến tháng 08/2022 là: 67.255.877đ.

- Tại Công văn số 67/ĐKKD ngày 13/7/2022, Phòng đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cung cấp thông tin: Công ty HN, mã số thuế: 080002077, thuộc Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 8 được Bộ giao thông Vận tải thành lập. Đến thời điểm hiện tại, Công ty HN chưa nộp hồ sơ tạm ngừng hoạt động hay hồ sơ giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

- Ngày 12/7/2022, Cục thuế tỉnh Hải Dương có văn bản trả lời số 6706 gửi TAND thị xã K với nội dung: Trên hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS), Công ty HN ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tại kỳ kế toán thuế tháng 6/2022, số tiền nợ thuế là 19.423.970.996 đồng.

*Tại phiên tòa:*

- Sau khi được Hội đồng xét xử (HĐXX) công bố nội dung Công văn số 912/CV-BHXH ngày 23/8/2022 của BHXH quận Thanh Xuân, ông Nguyễn Trọng M1 xác định Công ty HN chưa đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho ông kể từ tháng 9/2011 đến tháng 9/2017 là 72.045.303đ và tiền lãi chậm đóng từ tháng 9/2011 đến tháng 8/2022 là 67.255.877đ. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty HN phải đóng cho ông số tiền là 139.301.180đ.

- Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Mùi. Buộc Công ty HN phải có nghĩa vụ đóng đủ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho ông Nguyễn Trọng M1 kể từ tháng 9/2011 đến tháng 9/2017 số tiền là 139.301.180đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp bảo hiểm xã hội, đây là tranh chấp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn-Công ty HN có trụ sở chính tại phường P1, thị xã K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng*: Trên cơ sở trụ sở chính được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty HN, Tòa án đã đến UBND phường P1, thị xã K, tỉnh Hải Dương để tiến hành thủ tục tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng chính quyền địa phương cung cấp: “*Công ty HN đã dừng hoạt động từ khoảng năm 2015. Trụ sở công ty là dãy nhà cấp 4 hiện nay đã xuống cấp không có người trông coi, quản lý*”. Tuy nhiên, Công ty HN chưa làm thủ tục tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho phía bị đơn tại trụ sở chính theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, Tòa án còn tiến hành gửi văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo địa chỉ Văn phòng đại diện của Công ty HN được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện nhưng cơ quan bưu chính xác định không có tên người nhận. Như vậy, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của các đương sự*: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về điều kiện thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động*: Ông Nguyễn Trọng M1 khởi kiện tranh chấp về bảo hiểm xã hội. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 201 Luật Lao động thì tranh chấp không thuộc trường hợp bắt buộc phải thông qua thủ tục hòa giải.

- *Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện*: Tại đơn khởi kiện, lời khai ông Nguyễn Trọng M1 yêu cầu Tòa án buộc Công ty HN phải có nghĩa vụ nộp đủ BHXH và BHTN cho ông từ tháng 9/2011 đến tháng 12/2017 là 107.991.520đ. Mặc dù tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng M1 thay đổi yêu cầu khởi kiện (*yêu cầu nộp số tiền lớn hơn*) nhưng vẫn trọng phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu là buộc bị đơn phải có nghĩa vụ nộp đủ BHXH và BHTN cho ông từ tháng 9/2011 đến tháng 9/2017. Căn cứ khoản 1 Điều 244 BLTTDS, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Ngày 16/5/2002, Công ty HN (Đại diện là ông Nguyễn Chí Thành-Giám đốc công ty) và ông Nguyễn Trọng M1 ký kết hợp đồng lao động với nội dung: Ông Nguyễn Trọng M1 làm việc theo loại hợp đồng lao động, thời hạn 01 năm, từ ngày 16/5/2002 đến 16/5/2003, địa điểm làm việc tại xưởng sửa chữa, gia

công, kết cấu thép và các công trình xây dựng do công ty thi công, bậc lương 2/7, hệ số lương 1,55, bảo hiểm xã hội: Được hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội theo chế độ hiện hành của Nhà nước. Hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 16/5/2002 đến ngày 16/5/2003; theo ông Nguyễn Trọng M1 xác định mặc dù trong hợp đồng lao động xác định thời hạn 1 năm (đến ngày 16/5/2003) nhưng trên thực tế sau khi hết hạn hợp đồng ông vẫn tiếp tục làm việc tại công ty đến năm 2017. Lời khai của Ông M1 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ là các quyết định nâng bậc lương và điều chuyển vị trí làm việc đối với Ông M1 của Công ty HN. Căn cứ khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động năm 2012 thì hợp đồng lao động ký kết ngày 16/5/2002 giữa Ông M1 và Công ty HN chuyển thành hợp đồng không xác định thời hạn.

Ngày 24/7/2017 ông Nguyễn Trọng M1 viết đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động với công ty và đề nghị Công ty trả sổ BHXH để ông đi tìm việc mới. Theo Công văn số 912/CV-BHXH ngày 23/8/2022, BHXH quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội cung cấp thông tin thì ông Nguyễn Trọng M1 tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Công ty HN từ tháng 01/2006 đến tháng 09/2017, tháng 10/2017 lao động nghỉ việc theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 15/TCHC ngày 25/9/2017. Căn cứ khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2012, ông Nguyễn Trọng M1 và Công ty HN thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 25/9/2017.

Theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết thì ông Nguyễn Trọng M1 được hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội theo chế độ hiện hành của Nhà nước. Theo thông tin Bảo hiểm xã hội quận Thanh Xuân cung cấp thì ông Nguyễn Trọng M1 tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Công ty HN từ tháng 01/2006 đến tháng 09/2017, tháng 10/2017 lao động nghỉ việc theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 15/TCHC ngày 25/9/2017. Tuy nhiên, từ tháng 9/2011, Công ty HN chưa đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho ông Nguyễn Trọng M1. Theo Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012 thì *“trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản liên quan đến quyền lợi của mỗi bên...”*. Như vậy, hành vi chậm đóng BHXH, BHYT của Công ty HN theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Trọng M1. Số tiền BHXH, BHYT Công ty HN chậm đóng cho ông Nguyễn Trọng M1 từ tháng 9/2011 đến tháng 09/2017 là 72.045.303đ, theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội nên phải chịu lãi chậm đóng tính đến tháng 8/2022 là: 67.255.877đ. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Trọng M1 là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Trọng M1 được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 32, c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, các điều: 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 22, khoản 3 Điều 36, Điều 47, điểm d khoản 1 Điều 201 của Bộ luật lao động; Điều 21 và Điều 86 Luật bảo hiểm xã hội; điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ tranh chấp: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng M1.

Buộc Công ty HN phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho ông Nguyễn Trọng M1, số sổ BHXH: 8604009045, từ tháng 09/2011 đến tháng 09/2017 tại Bảo hiểm xã hội quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, số tiền 72.045.303đ và lãi chậm đóng tính đến tháng 8/2022 là: 67.255.877đ. Tổng cộng: 139.301.180đ (*Một trăm ba mươi chín triệu, ba trăm lẻ một nghìn, một trăm tám mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng (*tính từ tháng 9/2022*).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trọng M1 được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự. Công ty HN phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Đức Huân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## **Đặng Đức Huân**